




# Màn hình Dell S2722QC

## Hướng dẫn Sử dụng

Model: S2722QC  
Mẫu theo quy định: S2722QCb



-  **CHÚ Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.
-  **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

**Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc các công ty con của nó. Mọi quyền được bảo lưu.** Dell, EMC, và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. USB Type-C® và USB-C® là nhãn hiệu đã đăng ký của USB Implementers Forum. Tất cả các thương hiệu khác có thể là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

2021 - 09

Rev. A01

# Nội dung

<b>Hướng dẫn về an toàn</b> . . . . .	<b>6</b>
<b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .	<b>7</b>
Thành phần trong hộp . . . . .	7
Tính năng sản phẩm . . . . .	8
<b>Nhận biết các bộ phận và điều khiển</b> . . . . .	<b>10</b>
Nhìn từ phía trước . . . . .	10
Nhìn Từ Phía Bên . . . . .	10
Nhìn từ sau . . . . .	11
Nhìn từ dưới . . . . .	12
<b>Thông số độ phân giải</b> . . . . .	<b>16</b>
Chế độ video được hỗ trợ . . . . .	16
Chế độ hiển thị cài sẵn . . . . .	17
Thông số điện . . . . .	19
Đặc điểm vật lý . . . . .	20
Đặc Tính Môi Trường . . . . .	21
Chỉ định chân . . . . .	22
<b>Khả năng cắm và chạy</b> . . . . .	<b>23</b>
<b>Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)</b> . . . . .	<b>23</b>
SuperSpeed USB 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) . . . . .	23
USB Type-C . . . . .	23
Đầu nối USB Type-C . . . . .	24
Đầu nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) . . . . .	24
Cổng USB . . . . .	25
<b>Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD</b> . . . . .	<b>25</b>
<b>Công thái học</b> . . . . .	<b>26</b>
<b>Xử lý và di chuyển màn hình của bạn</b> . . . . .	<b>27</b>



Hướng Dẫn Bảo Trì .....	29
Vệ Sinh Màn Hình .....	29
<b>Lắp đặt màn hình .....</b>	<b>30</b>
Lắp chân đế .....	30
Kết nối màn hình của bạn .....	33
Kết nối cáp USB Type-C và cáp nguồn .....	33
Kết nối cáp HDMI và cáp nguồn (tùy chọn) .....	34
Quản lý cáp của bạn .....	34
Bật màn hình .....	34
Bảo vệ màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn) .....	35
Tháo chân đế màn hình .....	36
VESA treo tường (tùy chọn) .....	36
<b>Sử dụng màn hình .....</b>	<b>38</b>
Bật màn hình .....	38
Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước .....	38
Nút bảng điều khiển phía trước .....	39
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) .....	40
Truy cập hệ thống menu .....	40
Thông báo cảnh báo OSD .....	57
Cài đặt độ phân giải tối đa .....	62
Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR .....	63
Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng .....	64
Nghiêng .....	64
Khớp xoay .....	64
Kéo thẳng .....	65
Xoay màn hình .....	65
Xoay theo chiều kim đồng hồ .....	66
Xoay ngược chiều kim đồng hồ .....	66
Điều chỉnh cài đặt hiển thị xoay cho hệ thống của bạn .....	67



**Xử lý sự cố . . . . . 68**

- Tự kiểm tra . . . . .68
- Chẩn đoán tích hợp . . . . .69
- Vấn đề thường gặp . . . . .70
- Vấn đề cụ thể theo sản phẩm . . . . .73
- Vấn đề cụ thể với cổng kết nối đa dụng (USB) . . . . .75
- Vấn Đề Cụ Thể Theo Loa Ngoài . . . . .76

**Phụ lục . . . . . 77**

- Thông báo FCC (Chi Hoa Kỳ) và thông tin quy định khác . . . . .77
- Liên hệ với Dell . . . . .77
- Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU . . . . .77



# Hướng dẫn về an toàn



- △ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.
- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và thao tác cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
  - Luôn đảm bảo kết nối điện đúng định mức khi sử dụng với nguồn AC có ở địa điểm của bạn.
  - Để màn hình ở nhiệt độ phòng. Nhiệt độ lạnh hoặc nóng quá mức có thể gây ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
  - Không để màn hình bị rung lắc hoặc va đập mạnh. Ví dụ, không đặt màn hình bên trong cốp xe.
  - Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong thời gian dài.
  - Để tránh bị điện giật, không cố tháo các nắp hoặc chạm vào bên trong màn hình.

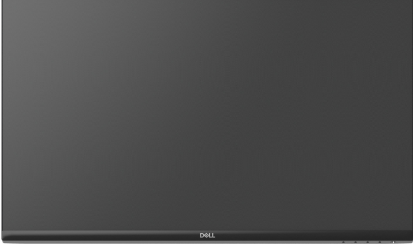




# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn


## Thành phần trong hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu trong bảng dưới đây. Nếu có thành phần nào bị thiếu, hãy liên hệ Dell. Để biết thêm thông tin, hãy xem [Liên hệ với Dell](#).

-  **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không có ở một số nước.
-  **CHÚ Ý:** Nếu bạn lắp chân để mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân để đó.

Hình ảnh thành phần	Mô tả thành phần
	Màn hình
	Bộ nâng chân đế
	Bộ chân đế



	<p>Cáp nguồn (khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp USB Type-C sang USB Type-C 3.2 Gen 2 (chiều dài cáp: 1,00 M)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul>

## Tính năng sản phẩm

Màn hình **Dell S2722QC** có Bán Dẫn Màn Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng nhìn được là 68,47 cm (26,95 in.) (đo chéo).
- Độ phân giải 3840 x 2160 (16:9), có thể hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- Hỗ trợ AMD FreeSync™, với độ làm mới cao 60 Hz và thời gian phản ứng nhanh 4 ms từ xám sang xám trong chế độ **Extreme (Cực nhanh)\***.
- Gam màu 99% sRGB.
- Kết nối số với USB Type-C và HDMI.
- Sử dụng cáp USB Type-C để cấp nguồn (lên tới 65 W) cho notebook tương thích trong khi tiếp nhận tín hiệu video và dữ liệu.
- Nghiêng, xoay, xoay quanh trục, và khả năng điều chỉnh độ cao.
- Loa kép tích hợp.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Được trang bị một cổng kết nối máy tính USB Type-C (USB 3.2 Gen 1, 5 Gbps), một cổng sạc kết nối thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) Type-A và một cổng kết nối thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) Type-A.





- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Hỗ trợ chế độ chọn Ảnh theo Ảnh (PBP) và Ảnh trong Ảnh (PIP).



**CHÚ Ý: Khi PIP/PBP được kích hoạt, AMD FreeSync™ (trong phần mềm AMD Radeon™) bị tắt.**

- Khóa nguồn và khóa nút OSD.
- Khe khóa an toàn.
- $\leq 0,3$  W ở Chế độ chờ.
- Tối ưu sự thoải mái cho mắt với màn hình không bị nháy và tính năng ComfortView giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.



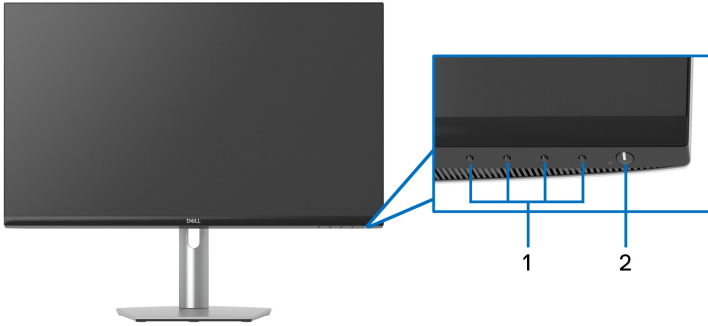
**CẢNH BÁO: Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và vân vân. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, để làm dịu mắt đến mức tối ưu.**

\*Chế độ xám đến xám 4 ms có trong chế độ **Extreme (Cực nhanh)** để giảm mờ chuyển động nhìn được và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, điều này có thể gây một số dư ảnh nhẹ có thể quan sát được trong ảnh. Do việc thiết lập hệ thống và nhu cầu của người dùng là khác nhau, chúng tôi khuyến cáo người dùng trải nghiệm các chế độ khác nhau để tìm được thiết lập phù hợp.



# Nhận biết các bộ phận và điều khiển

## Nhìn từ phía trước

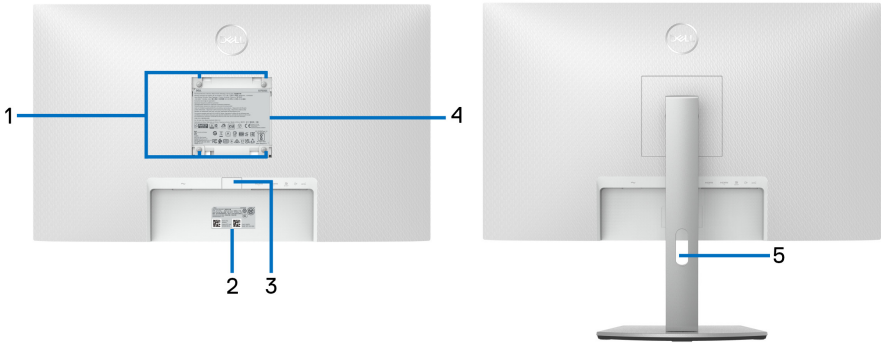


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút chức Năng	Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Sử dụng màn hình</a> .
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)	Bật hoặc tắt màn hình.

## Nhìn Từ Phía Bên



## Nhìn từ sau

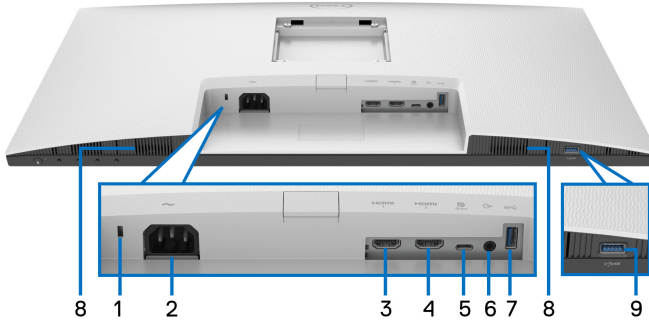


### Nhìn từ sau có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - nắp VESA lắp phía sau)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).
2	Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã định danh chữ và số duy nhất cho phép các kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các thành phần phần cứng trong màn hình của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
3	Nút nhả chân đế	Nhả chân đế khỏi màn hình.
4	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
5	Khe quản lý cáp	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách luồn chúng vào qua các khe.



## Nhìn từ dưới



### Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
2	Đầu nối nguồn	Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).
3	Cổng HDMI (HDMI 1)	Kết nối máy tính với cáp HDMI.
4	Cổng HDMI (HDMI 2)	
5	Cổng kết nối máy tính USB Type-C	Kết nối cáp USB Type-C đi kèm với màn hình vào máy tính. Cổng này hỗ trợ công nghệ cấp nguồn USB Power Delivery, Dữ liệu, và tín hiệu video DisplayPort. Cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) Type-C hỗ trợ Chế độ thay thế DP1.4 ở độ phân giải tối đa 3840 x 2160 là 60 Hz, PD 20 V/3,25 A, 15 V/3 A, 9 V/3 A, 5 V/3 A. <b>CHÚ Ý:</b> USB Type-C không được hỗ trợ ở các phiên bản Windows trước Windows 10.
6	Cổng dây ra	Kết nối với loa. <b>CHÚ Ý:</b> Cổng này không hỗ trợ tai nghe.



7	Cổng kết nối thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) Type-A	<p>Kết nối thiết bị USB.</p> <p><b>CHÚ Ý:</b> Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB Type-C kèm theo màn hình vào cổng USB Type-C kết nối máy tính trên màn hình và vào máy tính của bạn.</p>
8	Loa	Cung cấp đầu ra âm thanh số.
9	Cổng kết nối thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) Type-A có Sạc nguồn	<p>Kết nối thiết bị USB hoặc sạc thiết bị của bạn.</p> <p><b>CHÚ Ý:</b> Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB Type-C kèm theo màn hình vào cổng USB Type-C kết nối máy tính trên màn hình và vào máy tính của bạn.</p>

 **CHÚ Ý:** Nếu máy tính của bạn không có cổng USB Type-C, hãy sử dụng cáp USB Type-C sang USB Type-A (bán riêng) để kết nối màn hình với máy tính của bạn.



## Thông số màn hình

<b>Kiểu</b>	<b>S2722QC</b>
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Công nghệ màn hình	IPS
Tỷ lệ khung hình	16:9
Hình ảnh xem được	
Chéo	684,67 mm (26,95 in.)
Chiều rộng (vùng hoạt động)	596,74 mm (23,49 in.)
Chiều cao (vùng hoạt động)	335,66 mm (13,21 in.)
Tổng khu vực	200301,75 mm <sup>2</sup> (310,30 in. <sup>2</sup> )
Khoảng cách điểm ảnh	0,1554 x 0,1554 mm
Điểm ảnh mỗi inch (PPI)	163
Góc nhìn	
Dọc	178° (thông thường)
Ngang	178° (thông thường)
Công suất chiếu sáng	350 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)
Tỷ lệ tương phản	1000 đến 1 (thông thường)
Lớp phủ bản mặt	Xử lý chống chói của bộ phân cực trước (Haze 25%, 3H)
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED trắng



Thời gian phản hồi	<p>8 ms xám đến xám trong chế độ <b>Normal (Bình thường)</b></p> <p>5 ms xám đến xám trong chế độ <b>Fast (Nhanh)</b></p> <p>4 ms xám đến xám trong chế độ <b>Extreme (Cực nhanh)*</b></p> <p>*Chế độ xám đến xám 4 ms có trong chế độ <b>Extreme (Cực nhanh)</b> để giảm mờ chuyển động nhìn được và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, điều này có thể gây tình trạng dư ảnh nhẹ có thể quan sát được trong ảnh. Do việc thiết lập hệ thống và nhu cầu của người dùng là khác nhau, chúng tôi khuyến cáo người dùng trải nghiệm các chế độ khác nhau để tìm được thiết lập phù hợp.</p>
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu
Gam màu	sRGB 99% (thông thường)
Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 x Cổng kết nối máy tính USB Type-C (Chế độ thay thế với DisplayPort 1.4, Power Delivery lên tới 65 W)*</li> <li>• 1 x SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) với khả năng sạc BC1.2 ở 2 A (tối đa)</li> <li>• 1 x Cổng kết nối thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1)</li> <li>• 2 x Cổng HDMI Phiên bản 2.0 (HDCP 2.3 &amp; 1.4)</li> <li>• 1 x Cổng ra dây âm thanh</li> </ul>
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Trên	7,42 mm
Trái/Phải	7,43 mm (7,43 mm)
Đáy	21,55 mm



Khả năng điều chỉnh	
Nghiêng	-5° đến 21°
Khớp xoay	-30° đến 30°
Trục	-90° đến 90°
Chân chỉnh chiều cao	110 mm
Loa tích hợp	Đầu ra âm thanh 2 x 3 W
Tương Thích Dell Display Manager	Dễ Dàng Sắp Xếp và các tính năng chỉnh khác
Bảo mật	Khe khóa an toàn (khóa cấp bán riêng)

\*DisplayPort và USB Type-C (Chế độ thay thế với DisplayPort 1.4): Hỗ trợ âm thanh HBR3/DisplayPort 1.4/DP.

## Thông số độ phân giải

Kiểu	S2722QC
Phạm vi quét ngang	10 kHz đến 137 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	24 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	3840 x 2160 ở 60 Hz

## Chế độ video được hỗ trợ

Kiểu	S2722QC
Khả năng hiển thị video (HDMI và chế độ thay thế USB Type-C)	480p, 480i, 576p, 576i, 720p, 1080i, 1080p, QHD, UHD





## Chế độ hiển thị cài sẵn

### Chế độ hiển thị HDMI

Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	31,50	59,94	25,20	-/-
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 800 x 600	37,90	60,30	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,90	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,40	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,00	75,00	78,80	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,00	75,00	135,00	+/+
VESA, 1600 x 900	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
2048 x 1280	78,92	59,92	174,25	-/+
2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
3840 x 2160	135,00	60,00	594,00	+/+



## Chế độ hiển thị DP

Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	31,50	59,94	25,20	-/-
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 800 x 600	37,90	60,30	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,90	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,40	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,00	75,00	78,80	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,00	75,00	135,00	+/+
VESA, 1600 x 900	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
2048 x 1280	78,92	59,92	174,25	-/+
2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
3840 x 2160	133,31	60,00	533,25	+/-

 **CHÚ Ý:** Màn hình này hỗ trợ AMD FreeSync™.



## Thông số điện

Kiểu	S2722QC
Tín hiệu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>• HDMI 2.0, 600 mV cho mỗi dòng vi sai, 100 Ω trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li><li>• USB Type-C, (Chế độ thay thế với DisplayPort 1.4), 90 Ω trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li></ul>
Điện áp AC/tần số/dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz ± 3 Hz / 2 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none"><li>• 120 V: 40 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li><li>• 240 V: 80 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li></ul>
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none"><li>• 0,2 W (Chế độ tắt)<sup>1</sup></li><li>• 0,3 W (Chế độ chờ)<sup>1</sup></li><li>• 24,8 W (Chế độ bật)<sup>1</sup></li><li>• 155 W (Tối đa)<sup>2</sup></li><li>• 26,5 W (Pon)<sup>3</sup></li><li>• 94,35 kWh (TEC)<sup>3</sup></li></ul>

<sup>1</sup> Như được định nghĩa ở EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

<sup>2</sup> Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối đa với tải nguồn tối đa ở mọi cổng USB.

<sup>3</sup> Pon: Mức tiêu thụ năng lượng của chế độ Bật được đo tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ năng lượng tính bằng kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy.

Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.



## Đặc điểm vật lý

<b>Kiểu</b>	<b>S2722QC</b>
<b>Kiểu cáp tín hiệu</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân (không gồm cáp)</li><li>• Kỹ thuật số: Universal Series Bus: Type-C, 24 chân</li></ul>
<b>CHÚ Ý:</b> Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp video được vận chuyển cùng với màn hình. Vì Dell không có quyền kiểm soát các nhà cung cấp cáp khác nhau trên thị trường, loại vật liệu, đầu nối và quy trình được sử dụng để sản xuất các loại cáp này, Dell không kiểm tra hiệu suất video trên các cáp không được vận chuyển với màn hình Dell của bạn.	
<b>Kích thước (có chân đế)</b>	
Chiều cao (kéo dài)	510,05 mm (20,08 in.)
Chiều cao (thu gọn)	400,05 mm (15,75 in.)
Chiều rộng	611,60 mm (24,08 in.)
Chiều sâu	174,72 mm (6,88 in.)
<b>Kích thước (không có chân đế)</b>	
Chiều cao	364,64 mm (14,35 in.)
Chiều rộng	611,60 mm (24,08 in.)
Chiều sâu	55,43 mm (2,18 in.)
<b>Kích thước chân đế</b>	
Chiều cao (kéo dài)	403,10 mm (15,87 in.)
Chiều cao (thu gọn)	364,81 mm (14,36 in.)
Chiều rộng	256,99 mm (10,12 in.)
Chiều sâu	174,72 mm (6,88 in.)
<b>Trọng lượng</b>	
Trọng lượng gồm bao bì	9,79 kg (21,58 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	7,10 kg (15,65 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	5,37 kg (11,84 lb)



Trọng lượng của bộ chân đế	1,50 kg (3,31 lb)
----------------------------	-------------------

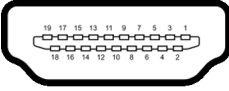
## Đặc Tính Môi Trường

<b>Kiểu</b>	<b>S2722QC</b>
<b>Tiêu Chuẩn Tương Thích</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ RoHS</li> <li>Màn hình giảm BFR/PVC (Các bảng mạch làm từ các tấm không có BFR/PVC.)</li> <li>Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân</li> </ul>	
<b>Nhiệt độ</b>	
Vận hành	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> <li>Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul>
<b>Độ ẩm</b>	
Vận hành	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>
<b>Cao độ</b>	
Vận hành	5000 m (16404 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12192 m (40000 ft) (tối đa)
<b>Tản nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>528,88 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>84,76 BTU/giờ (thông thường)</li> </ul>



## Chỉ định chân

### Đầu nối HDMI



Số chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5 V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG



## Khả năng cảm và chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cảm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

## Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)


Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

### SuperSpeed USB 5 Gbps (USB3.2 Gen 1)

Tốc Độ Truyền	Tốc độ dữ liệu	Công suất tối đa được hỗ trợ (mỗi cổng)*
Siêu tốc	5 Gbps	4,50 W
Tốc độ cao	480 Mbps	4,50 W
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,50 W

### USB Type-C

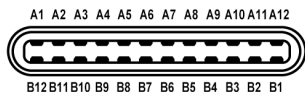
USB Type-C	Mô Tả
Video	DisplayPort 1.4**
Dữ liệu	SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1)
Power Delivery (PD)	Lên đến 65 W

\*Lên đến 2 A trên cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (có biểu tượng pin ) với các thiết bị tuân thủ BC1.2 hoặc các thiết bị USB bình thường.

\*\*Hỗ trợ âm thanh HBR3/DisplayPort 1.4/DP.



## Đầu nối USB Type-C



Số Chân	Tên Tín Hiệu	Số Chân	Tên Tín Hiệu
A1	GND	B1	GND
A2	TX1+	B2	TX2+
A3	TX1-	B3	TX2-
A4	VBUS	B4	VBUS
A5	CC1	B5	CC2
A6	D+	B6	D+
A7	D-	B7	D-
A8	SBU1	B8	SBU2
A9	VBUS	B9	VBUS
A10	RX2-	B10	RX1-
A11	RX2+	B11	RX1+
A12	GND	B12	GND

## Đầu nối thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps)



Số chân	Mặt 9 chân của đầu nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSRX-







6	SSRX+
7	GND
8	SSTX-
9	SSTX+

## Cổng USB

- 1 USB Type-C kết nối máy tính (USB 3.2 Gen 1, 5 Gbps) - phía sau
- 1 SuperSpeed USB Type-A kết nối thiết bị ngoại vi (USB 3.2 Gen 1, 5 Gbps) - phía sau
- 1 SuperSpeed USB Type-A kết nối thiết bị ngoại vi (USB 3.2 Gen 1, 5 Gbps) - phía dưới

Cổng Nạp Nguồn - cổng có biểu tượng pin ; hỗ trợ tới 2 A khả năng sạc nhanh nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **CHÚ Ý:** Chức năng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) yêu cầu máy tính tương thích SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1).

 **CHÚ Ý:** Các cổng USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang bật hoặc ở trong chế độ Chờ. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

## Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem [www.dell.com/pixelguidelines](http://www.dell.com/pixelguidelines).



## Công thái học

△ **THẬN TRỌNG:** Việc sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc kéo dài có thể dẫn đến chấn thương.

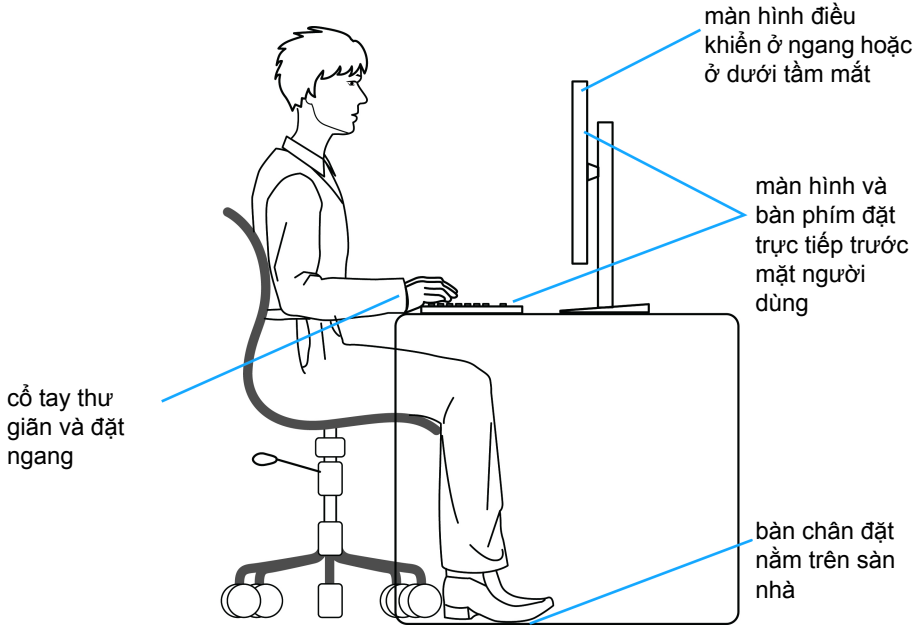
△ **THẬN TRỌNG:** Xem màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả, hãy tuân thủ các nguyên tắc sau khi thiết lập và sử dụng máy trạm máy tính của bạn:

- Đặt máy tính của bạn sao cho màn hình và bàn phím ở ngay trước mặt khi bạn làm việc. Bạn có thể tìm mua các kệ đặc biệt trên thị trường để giúp đặt bàn phím ở vị trí phù hợp.
- Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn nên:
  1. Ngồi cách màn hình khoảng 20 đến 28 in. (50 - 70 cm).
  2. Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình lâu dài.
  3. Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn 20 phút mỗi hai giờ.
  4. Không nhìn vào màn hình và nhìn vào một vật ở xa cách 20 feet trong ít nhất 20 giây ở các lần nghỉ.
  5. Thực hiện các động tác co duỗi để làm giảm căng thẳng ở cổ, tay, lưng, vai trong giờ giải lao.
- Đảm bảo để màn hình điều khiển ở ngang tầm mắt hoặc thấp hơn một chút khi ngồi trước màn hình.
- Điều chỉnh độ nghiêng của màn hình, độ tương phản và cài đặt độ sáng.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh (như đèn trên cao, đèn bàn và rèm hoặc rèm trên cửa sổ gần đó) để giảm thiểu phản xạ và ánh sáng chói trên màn hình điều khiển.
- Sử dụng ghế có đỡ lưng hiệu quả.
- Để ngang cẳng tay, cổ tay ở vị trí vừa phải, thoải mái trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Có không gian nghỉ tay trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Để cánh tay trên được thả lỏng tự nhiên ở cả hai bên.
- Đặt bàn chân phẳng trên sàn.
- Khi ngồi, hãy để trọng lượng của chân dồn lên chân chứ không phải ở phần trước của ghế. Điều chỉnh chiều cao ghế hoặc sử dụng chân ghế nếu cần để duy trì tư thế thích hợp.



- Thay đổi hoạt động trong công việc. Cố gắng sắp xếp công việc để không phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. thỉnh thoảng đứng hoặc đứng dậy và đi lại xung quanh.
- Không để các vật cản, dây cáp hoặc dây điện ở dưới gầm bàn khiến bạn không thoải mái khi ngồi hoặc gây nguy cơ vấp phải.

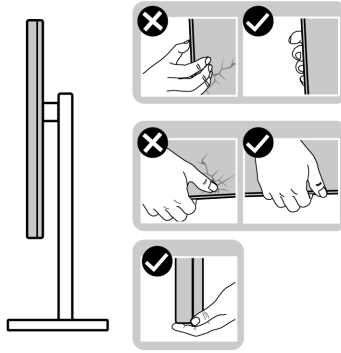


## Xử lý và di chuyển màn hình của bạn

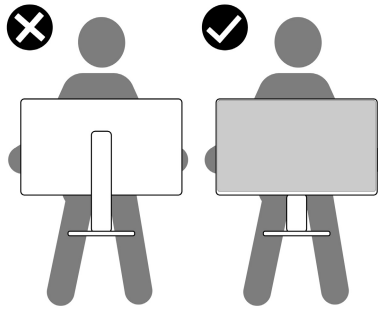
Để đảm bảo việc thao tác và sự an toàn khi nâng hoặc di chuyển màn hình, hãy làm theo các hướng dẫn được đề cập dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, hãy tắt màn hình và máy tính.
- Ngắt kết nối tất cả các dây cáp khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào hộp ban đầu với các vật liệu đóng gói ban đầu.
- Giữ chắc cạnh dưới và cạnh của màn hình mà không gây áp lực quá mức khi nâng hoặc di chuyển màn hình.

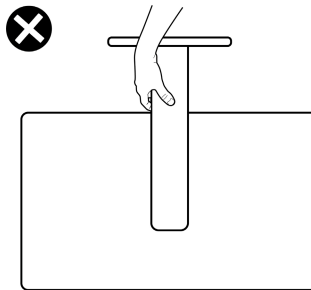




- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, đảm bảo màn hình quay mặt ra phía ngoài và không ấn vào khu vực hiển thị để tránh gây vết trầy xước hoặc hư hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh gây sốc hoặc rung màn hình.
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không lật ngược màn hình trong khi cầm vào chân đế hoặc bộ nâng chân đế. Điều này có thể dẫn đến thiệt hại ngẫu nhiên cho màn hình hoặc gây thương tích cá nhân.



# Hướng Dẫn Bảo Trì

## Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt màn hình khi không sử dụng.



# Lắp đặt màn hình

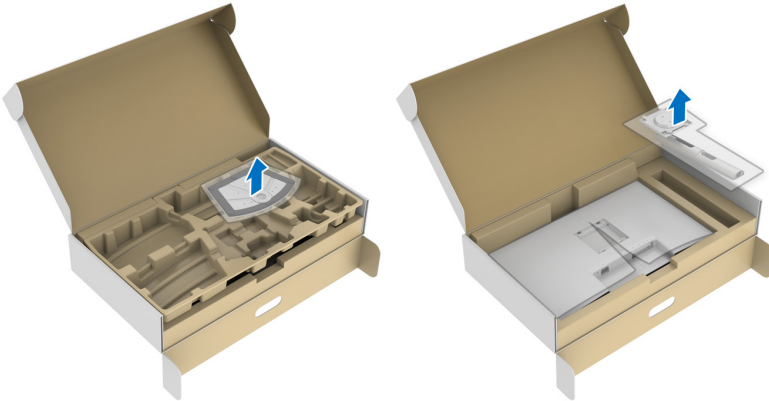
## Lắp chân đế

**CHÚ Ý:** Chân đế chưa được lắp sẵn tại nhà máy.

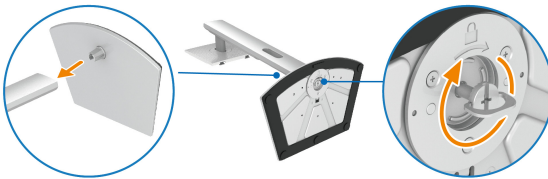
**CHÚ Ý:** Các bước sau đây dành riêng cho việc lắp đặt chân đế đi kèm với màn hình. Nếu bạn đang gắn chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế.

Để thiết lập chân đế màn hình:

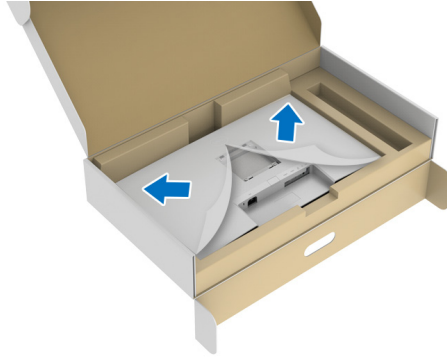
1. Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm giữ.
2. Tháo bộ nâng chân đế và bộ chân đế khỏi lớp đệm hộp.



3. Căn chỉnh và đặt bộ nâng chân đế lên bộ chân đế.
4. Mở tay cầm vít ở đáy chân đế và xoay theo chiều kim đồng hồ để lắp chặt cụm chân đế.
5. Đóng tay cầm vít.



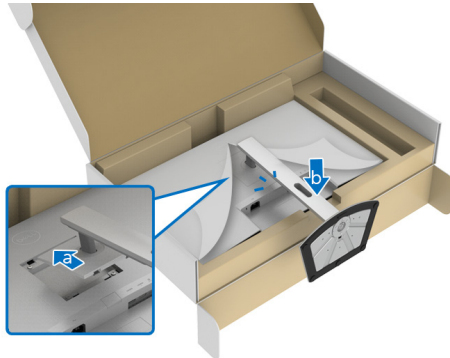
6. Mở nắp bảo vệ để tiếp cận khe VESA trên màn hình.



**CHÚ Ý:** Trước khi lắp bộ chân đế vào màn hình, hãy đảm bảo rằng nắp tấm trước được mở để có không gian lắp ráp.

7. Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a. Căn chỉnh và trượt các tab trên bộ nâng chân đế vào khe VESA.
- b. Ấn chân đế xuống cho đến khi khớp vào vị trí.

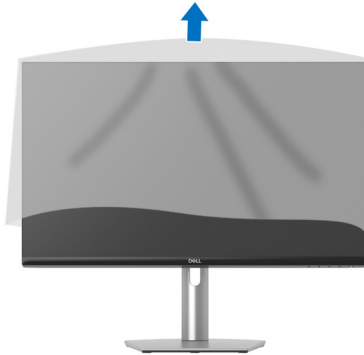


8. Giữ chặt bộ nâng chân đế bằng cả hai tay và nâng màn hình lên. Sau đó đặt màn hình ở vị trí thẳng đứng trên bề mặt phẳng.

**CHÚ Ý:** Giữ chặt chân đế khi nâng màn hình để tránh hư hỏng do vô ý.



9. Nhấc nắp bảo vệ khỏi màn hình.





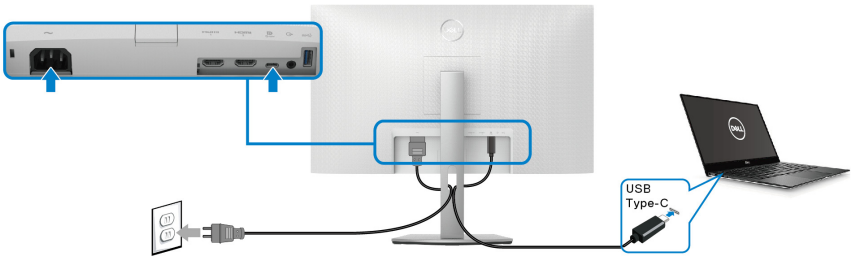
## Kết nối màn hình của bạn

- ⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#).
- ✍ **CHÚ Ý:** Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp đi kèm của Dell. Dell không đảm bảo chất lượng và hiệu suất video khi sử dụng cáp không phải của Dell.
- ✍ **CHÚ Ý:** Luồn cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng.
- ✍ **CHÚ Ý:** Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.
- ✍ **CHÚ Ý:** Hình ảnh được dựng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể khác.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

1. Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp USB Type-C (đi kèm với màn hình) hoặc cáp HDMI từ màn hình của bạn với máy tính. (Xem [Nhìn từ dưới](#) để biết chi tiết.)
3. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen 1 với các cổng USB 3.2 Gen 1 kết nối thiết bị ngoại vi trên màn hình.

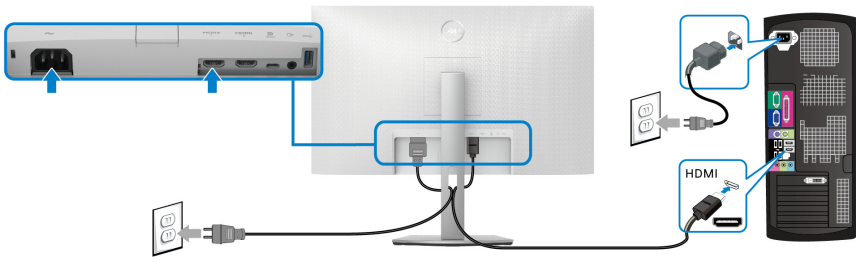
## Kết nối cáp USB Type-C và cáp nguồn



- ✍ **CHÚ Ý:** Chỉ sử dụng cáp USB Type-C đi kèm với màn hình.
  - Cổng này hỗ trợ Chế độ thay thế DisplayPort (Chỉ DP1.4 tiêu chuẩn).
  - Cổng tuân thủ cấp nguồn USB Type-C (PD bản 3.0) cấp nguồn tới 65 W.
  - Nếu notebook của bạn cần hơn 65 W để hoạt động được và pin bị hết, nó có thể không được cấp nguồn hoặc được sạc với cổng USB PD của màn hình này.



## Kết nối cáp HDMI và cáp nguồn (tùy chọn)

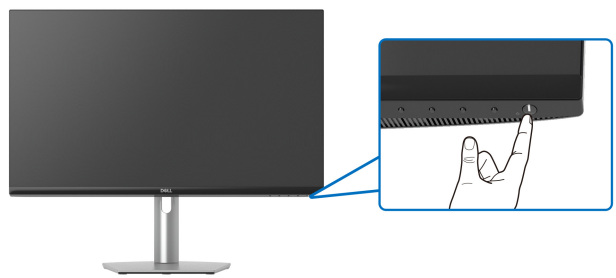


## Quản lý cáp của bạn



Sau khi kết nối cả các cáp cần thiết vào (xem [Kết nối màn hình của bạn về lắp cáp](#)), sắp xếp cáp như minh họa ở trên.

## Bật màn hình

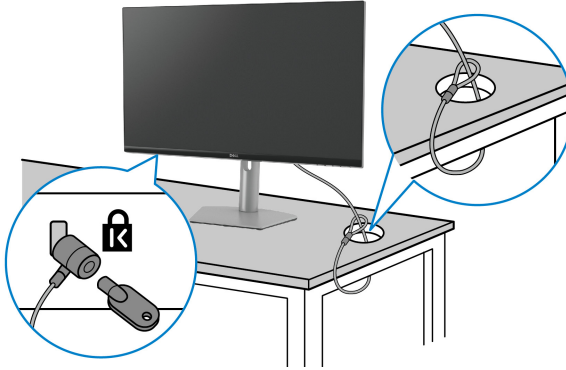


## Bảo vệ màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Khe khóa an ninh được đặt ở dưới màn hình (xem [Khe khóa an toàn](#)).

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng khóa Kensington (bán riêng), hãy xem tài liệu được gửi cùng với khóa.

Gắn màn hình của bạn vào bàn bằng khóa an ninh Kensington.



**CHÚ Ý:** Hình ảnh chỉ nhằm mục đích minh họa. Giao diện của khóa có thể khác.

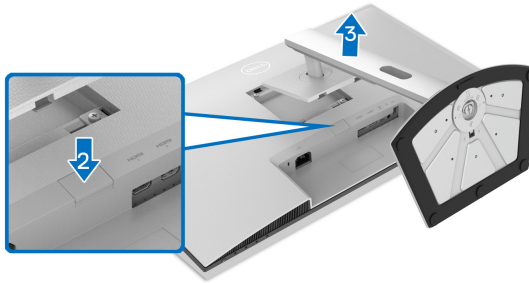


## Tháo chân đế màn hình

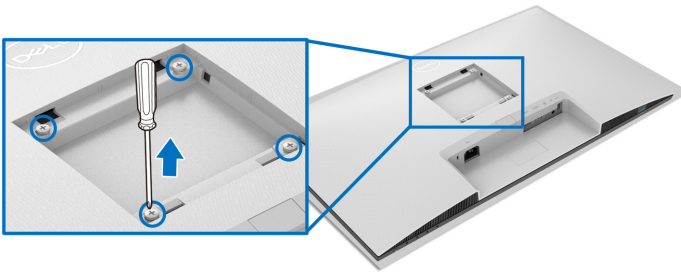
- CHÚ Ý:** Để tránh làm xước màn LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.
- CHÚ Ý:** Các bước sau đây được dùng để tháo chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn tháo chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Để tháo chân đế:

- Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
- Nhấn và giữ nút nhả chân đế ở phía sau màn hình.
- Nâng bộ nâng chân đế lên và lấy ra khỏi màn hình.



## VESA treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

- Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Tháo chân đế màn hình (xem [Tháo chân đế màn hình](#)).



3. Sử dụng tuốc nơ vít Phillips, tháo bốn vít giữ nắp lưng màn hình.
4. Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
5. Gắn màn hình lên tường. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp với bộ dụng cụ treo tường.



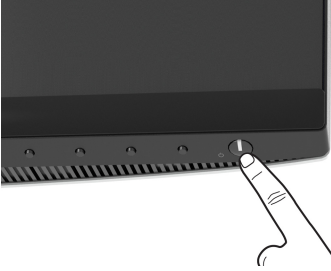
**CHÚ Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL hoặc CSA hoặc GS, có khả năng chịu trọng lượng hoặc tải tối thiểu 21,48 kg.**



# Sử dụng màn hình

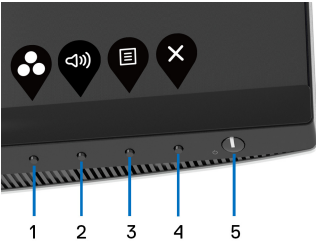
## Bật màn hình

Nhấn nút Nguồn để bật màn hình.





## Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước




Sử dụng nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt.



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:

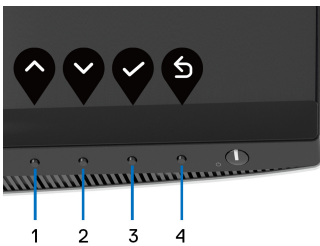
Nút bảng điều khiển phía trước	Mô Tả
1  Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.
2  Phím tắt/ Volume (Âm lượng)	Để truy cập trực tiếp vào thanh trượt điều chỉnh Volume (Âm lượng).







3	 <b>Menu</b>	Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD). Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
4	 <b>Thoát</b>	Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD.
5	 <b>Nguồn</b> (có đèn báo nguồn)	Bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng liên tục cho biết màn hình được bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình ở Chế độ chờ.

### Nút bảng điều khiển phía trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




Nút bảng điều khiển phía trước	Mô Tả
1  <b>Lên</b>	Sử dụng nút <b>Lên</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  <b>Xuống</b>	Sử dụng nút <b>Xuống</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  <b>OK</b>	Nhấp vào nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn.
4  <b>Quay lại</b>	Sử dụng nút <b>Quay lại</b> để trở lại menu trước.








# Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

## Truy cập hệ thống menu





**CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.



2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.

**CHÚ Ý:** Các nút định hướng (và nút OK) được hiển thị có thể khác tùy theo menu đã chọn. Sử dụng các nút có sẵn để thực hiện lựa chọn.

4. Sử dụng nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  để vào menu phụ và sau đó sử dụng các nút định hướng, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Nhấn  để quay trở lại menu chính.





**Biểu tượng**



**Menu và Menu phụ**

**Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**



**Mô Tả**

Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của màn hình.



**Brightness (Độ sáng)**



**Brightness (Độ sáng)** điều chỉnh độ sáng của đèn nền.

Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).

**CHÚ Ý:** Điều chỉnh bằng tay **Brightness (Độ sáng)** bị tắt khi **Smart HDR (HDR thông minh)** được kích hoạt và nội dung HDR được hiển thị.

**Contrast (Độ tương phản)**

Trước tiên, điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)**, điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần điều chỉnh thêm.

Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).

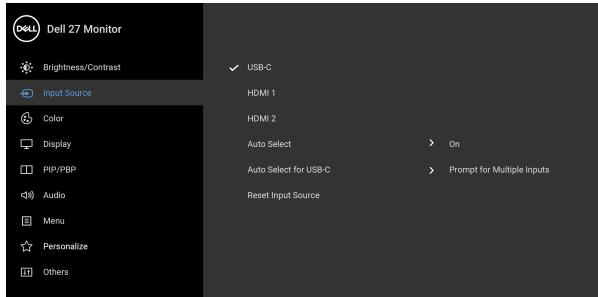
Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.






## Input Source (Nguồn Đầu Vào)

Chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.




### USB-C

Chọn đầu vào **USB-C** khi bạn sử dụng đầu nối USB Type-C. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

### HDMI 1

Chọn đầu vào **HDMI 1** hoặc **HDMI 2** khi bạn sử

### HDMI 2

dụng đầu nối HDMI. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

### Auto Select (Tự Động Chọn)

Tự động quét các nguồn đầu vào có sẵn.



---

**Auto Select for USB-C (Tự Động Chọn cho USB-C)**

Cho phép bạn đặt Auto Select for USB-C (Tự Động Chọn cho USB-C) thành:

- **Prompt for Multiple Inputs (Nhắc cho Nhiều Đầu Vào):** Luôn hiển thị thông báo "**Switch to USB-C Video Input**" (**Chuyển Sang Đầu Vào Video USB-C**) để có thể chọn chuyển hay không.
- **Yes (Có):** Luôn chuyển sang đầu vào video USB-C (không cần hỏi) khi cáp USB Type-C được kết nối.
- **No (Không):** Không bao giờ tự động chuyển sang đầu vào video USB-C khi cáp USB Type-C được kết nối.

**CHÚ Ý:** Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

Tùy chọn này chỉ sử dụng được khi **Auto Select (Tự Động Chọn)** được bật.

---

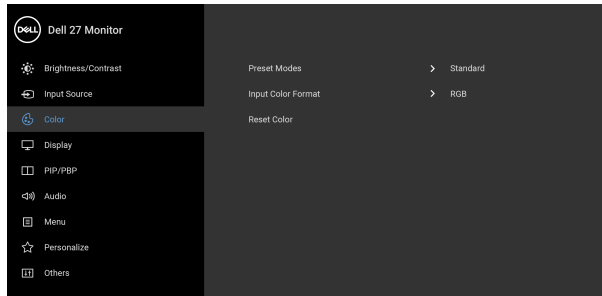
**Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào)**

Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



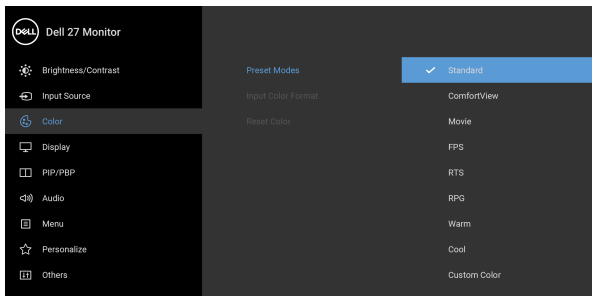
**Color (Màu)**

Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.



## Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Cho phép bạn chọn chế độ đặt trước từ danh sách.



- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.

**CẢNH BÁO:** Các ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra đối với phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tích cá nhân như làm căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận của cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai. Để biết thêm thông tin, hãy xem [Công thái học](#).

- **Movie (Phim):** Tải cài đặt màu lý tưởng cho phim.
- **FPS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game Bắn súng góc nhìn thứ nhất (FPS).
- **RTS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các (RTS) chiến lược thời gian thực.
- **RPG:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các Trò chơi nhập vai (RPG).



---

### Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

- **Warm (Ấm):** Hiển thị màu ở nhiệt độ màu thấp hơn. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
- **Cool (Mát):** Hiển thị màu sắc ở nhiệt độ màu cao hơn. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
- **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):** Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu.  
Sử dụng nút mũi tên để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.

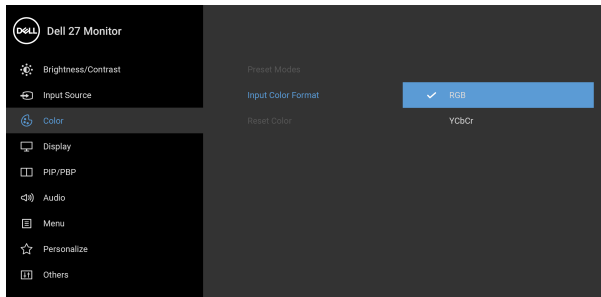
---

### Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)



Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát có hỗ trợ đầu ra RGB.
- **YCbCr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu phát của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr.

Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.





## Hue (Màu sắc)

Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu từ '0' đến '100'.

**CHÚ Ý: Hue (Màu sắc)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước cho **Movie (Phim)**, **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

## Saturation (Độ bão hòa)

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa từ '0' đến '100'.

**CHÚ Ý: Saturation (Độ bão hòa)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước cho **Movie (Phim)**, **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

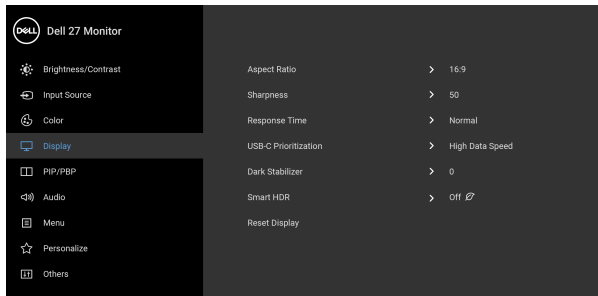
## Reset Color (Đặt Lại Màu)

Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



## Display (Hiện Thị)

Sử dụng menu **Display (Hiện Thị)** để điều chỉnh ảnh.



## Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)



Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **16:9**, **Auto Resize (Kích Cỡ Tự Động)**, **4:3** hoặc **1:1**.

**CHÚ Ý:** Tính năng này bị tắt khi **PIP/PBP** được kích hoạt.



**Sharpness (Độ Nét)**

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn.

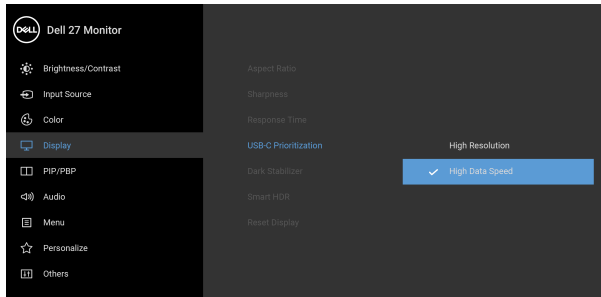
Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ nét từ '0' đến '100'.

**Response Time (Thời Gian Phản Hồi)**

Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)**, **Fast (Nhanh)** hoặc **Extreme (Cực nhanh)**.

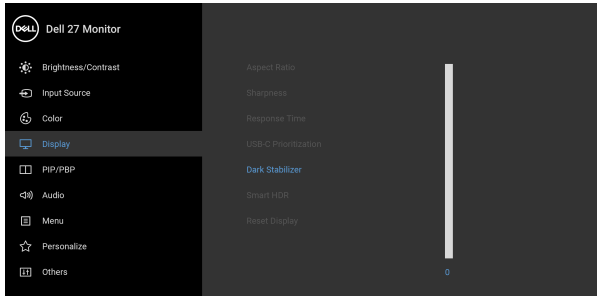
**USB-C Prioritization (Ưu tiên USB-C)**

Cho phép bạn chỉ định mức độ ưu tiên để truyền dữ liệu với độ phân giải cao (**High Resolution (Độ phân giải cao)**) hoặc tốc độ cao (**High Data Speed (Tốc độ dữ liệu cao)**) khi sử dụng cổng USB Type-C. Nếu nền tảng hiện tại là DP 1.4 (HBR3), sử dụng **High Data Speed (Tốc độ dữ liệu cao)** để có hiệu suất video đầy đủ với tốc độ dữ liệu cao. Nếu nền tảng hiện tại là DP 1.2 (HBR2) hoặc thấp hơn, chọn **High Resolution (Độ phân giải cao)** để có hiệu suất video đầy đủ với tốc độ mạng và dữ liệu bị giảm.



## Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)

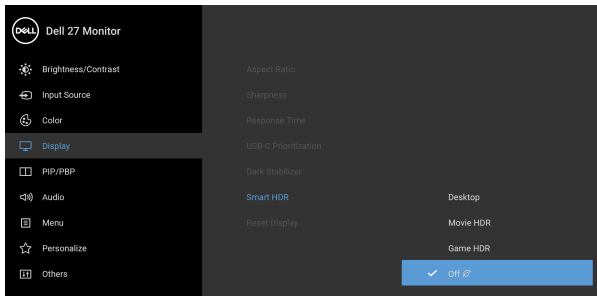
Nâng cao khả năng hiển thị trong các cảnh chơi game tối. Giá trị càng cao (0 đến 3) thì hình ảnh hiển thị càng rõ trong môi trường tối.



**CHÚ Ý:** Tính năng này bị tắt khi **Smart HDR (HDR thông minh)** hoặc **PIP/PBP** được kích hoạt.

## Smart HDR (HDR thông minh)

Tính năng **Smart HDR (HDR thông minh)** (High Dynamic Range) tăng cường công suất hiển thị bằng cách điều chỉnh độ tương phản tối ưu và phạm vi màu và độ sáng tương tự như hình ảnh thực. Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**.



Bạn có thể đặt chế độ **Smart HDR (HDR thông minh)** sang:

- **Desktop (Máy tính bàn):** Thích hợp để sử dụng màn hình với máy tính bàn.





### Smart HDR (HDR thông minh)

- **Movie HDR (HDR Phim):** Thích hợp cho việc phát lại nội dung video HDR.
- **Game HDR (HDR Game):** Thích hợp để chơi các trò chơi tương thích với HDR. Hiển thị cảnh thực tế hơn và làm cho trải nghiệm chơi game sống động và vui vẻ.

**CHÚ Ý:** Khi màn hình đang xử lý nội dung HDR, **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)** và **Brightness (Độ sáng)** sẽ bị vô hiệu.

**CHÚ Ý:** Tính năng này bị tắt khi **PIP/PBP** được kích hoạt.

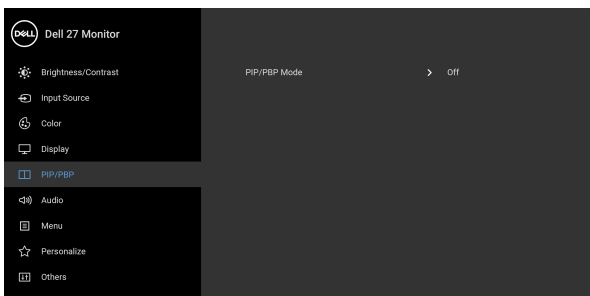
### Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị)

Đặt lại cả các cài đặt màn hình về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



### PIP/PBP

Chức năng này sẽ trả về một cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác.



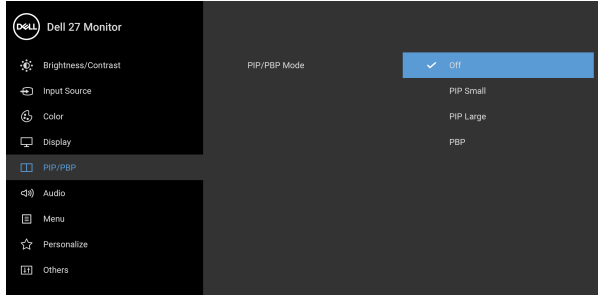
Cửa Số Chính	Cửa số phụ		
	USB-C	HDMI 1	HDMI 2
USB-C	—	✓	✓
HDMI 1	✓	—	✓
HDMI 2	✓	✓	—

**CHÚ Ý:** Những hình ảnh ở chế độ PBP sẽ được hiển thị ở trung tâm cửa sổ phân tách.



## PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/ PBP)

Điều chỉnh chế độ PIP/PBP (Ảnh trong Ảnh/Ảnh theo Ảnh) sang PIP hoặc PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.



<b>PIP Small (PIP Nhỏ)</b>	
<b>PIP Large (PIP Lớn)</b>	
<b>PBP</b>	

## PIP/PBP (Sub) (PIP/PBP (Phụ))

Lựa chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn cho cửa sổ phụ PIP/PBP. Nhấp vào nút để xác nhận chọn.

## PIP Location (Vị trí PIP)

Điều chỉnh vị trí của cửa sổ phụ PIP.

Sử dụng hoặc để duyệt và để chọn **Top-Right (Phía trên bên phải)**, **Top-Left (Phía trên bên trái)**, **Bottom-Right (Phía dưới bên phải)**, hoặc **Bottom-Left (Phía dưới bên trái)**.

Nhấp vào nút để xác nhận chọn.

**CHÚ Ý:** Tùy chọn này chỉ sử dụng được khi Chế độ PIP được bật.


## Audio (Âm thanh)

Cho phép bạn thiết lập nguồn âm thanh từ cửa sổ chính hoặc cửa sổ phụ.



---



**Video Swap  
(Chuyển đổi  
video)**

Chọn để chuyển đổi video giữa cửa sổ chính và phụ trong chế độ PIP/PBP. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

---

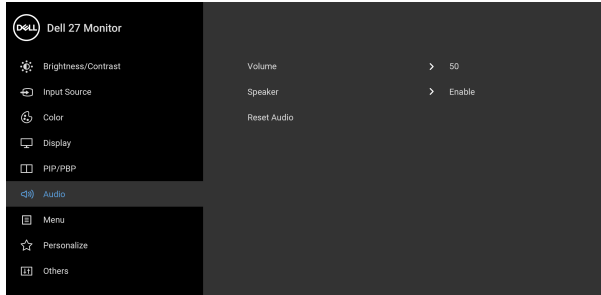
**Contrast (Sub)  
(Tương phản  
(Phụ))**

Điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh ở chế độ PIP/PBP.

Sử dụng  để tăng độ tương phản và sử dụng  để giảm độ tương phản.





---

**Audio (Âm  
thanh)**

---

**Volume (Âm  
lượng)**

Điều chỉnh âm lượng của loa.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức âm lượng từ '0' tới '100'.

---

**Speaker (Loa)**

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng loa.

---

**Reset Audio  
(Đặt lại âm  
thanh)**

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt âm thanh mặc định.

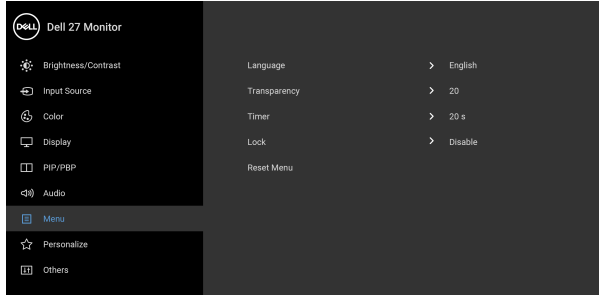
---





## Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



### Language (Ngôn ngữ)

Đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Tiếng Trung Quốc, hay Nhật Bản).

### Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách sử dụng các nút và (tối thiểu 0 / tối đa 100).

### Timer (Hẹn giờ)

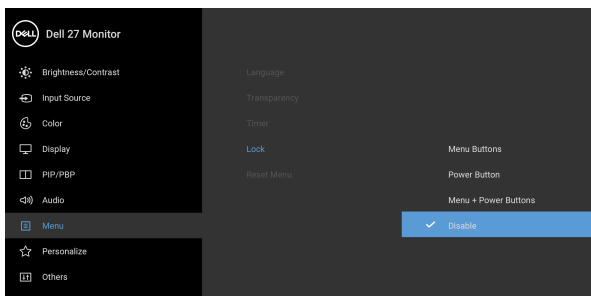
Đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.



## Lock (Khóa)

Khi các nút điều khiển trên màn hình bị khóa, bạn có thể ngăn mọi người truy cập vào phần điều khiển. Nó cũng ngăn chặn việc ngẫu nhiên kích hoạt nhiều màn hình ở thiết lập cạnh nhau.



- **Menu Buttons (Nút Menu):** Tất cả các nút chức năng/Menu (ngoại trừ nút Nguồn) đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Power Button (Nút Nguồn):** Chỉ nút Nguồn bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Menu + Power Buttons (Nút Menu + Nguồn):** Cả nút chức năng/Menu và Nguồn đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.

Cài đặt mặc định là **Disable (Tắt)**.

Cách khóa khác [với các nút chức năng/Menu]: Bạn cũng có thể nhấn và giữ nút chức năng/Menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây để đặt các tùy chọn khóa.

**CHÚ Ý:** Để mở khóa (các) nút, nhấn và giữ nút chức năng/Menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây.

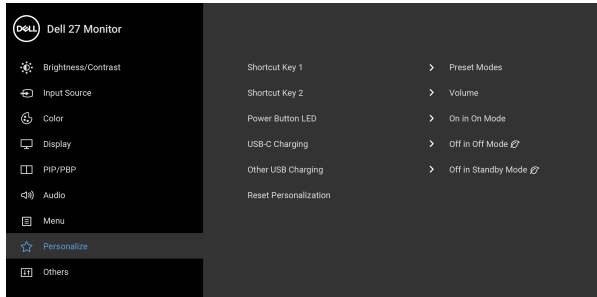
## Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.





## Personalize (Cá nhân hóa)



### Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

### Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, **Smart HDR (HDR thông minh)**, **PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP)**, **Video Swap (Chuyển đổi video)**, hoặc **Volume (Âm lượng)** và đặt làm phím tắt.

### Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)

Cho phép bạn đặt **Bật** hoặc **Tắt** đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

### USB-C Charging (Sạc USB-C)

Cài đặt mặc định là **Off in Off Mode (Tắt ở chế độ Tắt)**. Việc chọn **On in Off Mode (Bật ở chế độ Tắt)** có thể tự động sạc máy tính xách tay hoặc thiết bị di động qua cáp USB Type-C ngay cả khi màn hình ở chế độ tắt.

### Other USB Charging (Sạc USB khác)

Cho phép bạn **bật** hoặc **tắt** chức năng sạc USB Type-A (Cổng kết nối thiết bị ngoại vi) trong chế độ chờ màn hình.

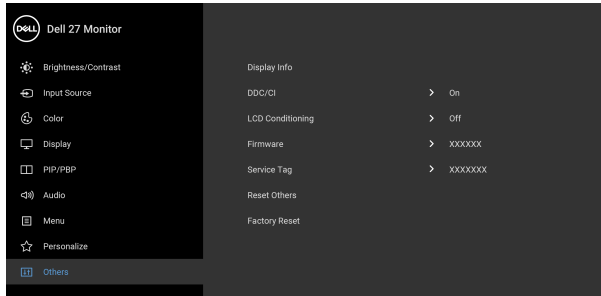
### Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa)

Đặt lại tất cả các cài đặt dưới menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



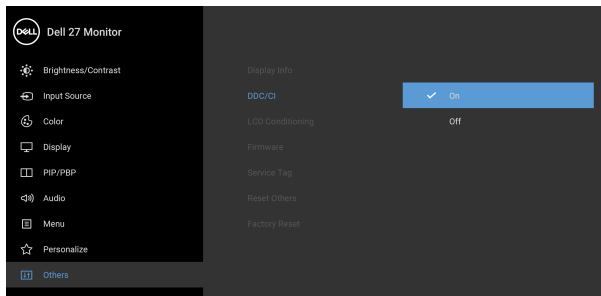


**Others (Khác)** Chọn tùy chọn này để điều chỉnh cài đặt OSD, như **DDC/CI, LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)**, và V.V.



**Display Info (Thông tin hiển thị)** Hiển thị phần cài đặt hiện tại của màn hình.

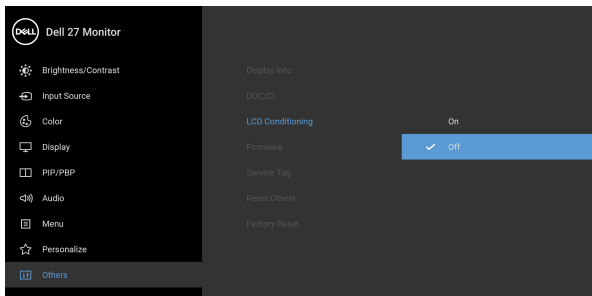
**DDC/CI** **DDC/CI** (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



---

## LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **On (Bật)**.



---

**Firmware (Phần mềm)** Hiển thị phần mềm vi chương trình của màn hình.

---

**Service Tag (Thẻ dịch vụ)** Hiển thị thẻ dịch vụ của màn hình. Chuỗi này được yêu cầu khi bạn cần hỗ trợ qua điện thoại, kiểm tra tình trạng bảo hành, cập nhật trình điều khiển trên trang web của Dell, v.v.

---

**Reset Others (Đặt lại khác)** Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

---

**Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** Khôi phục các giá trị đặt sẵn về cài đặt mặc định của nhà máy.

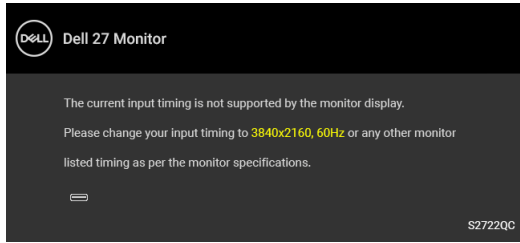
---





## Thông báo cảnh báo OSD

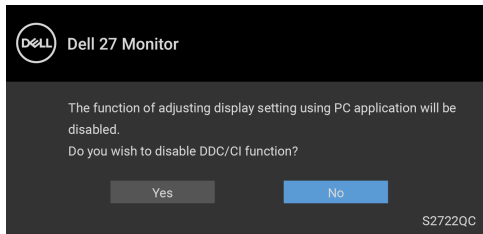
Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



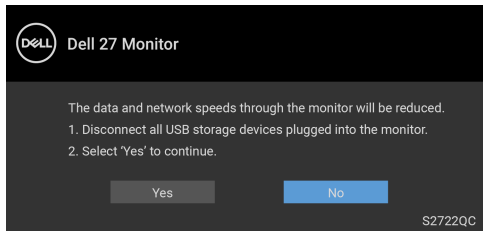
Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông số màn hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ được đề xuất là 3840 x 2160.

**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác, tùy theo tín hiệu đầu vào kết nối.

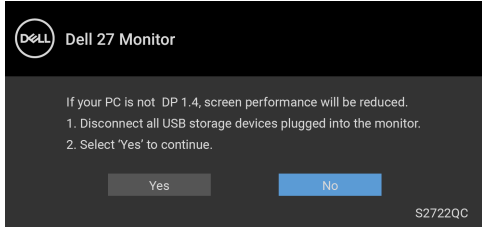
Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **DDC/CI** bị tắt:



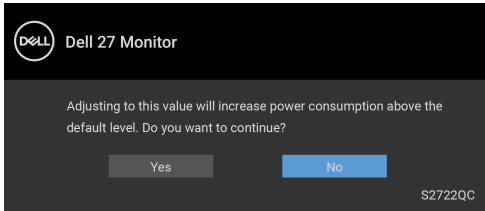
Khi **USB-C Prioritization (Ưu tiên USB-C)** được đặt thành **High Resolution (Độ phân giải cao)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Khi **USB-C Prioritization (Ưu tiên USB-C)** được đặt từ **High Resolution (Độ phân giải cao)** sang **High Data Speed (Tốc độ dữ liệu cao)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:

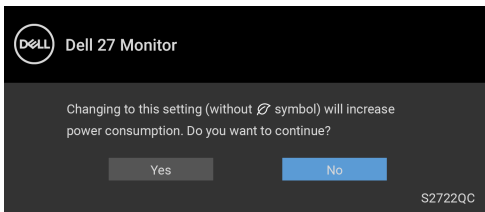


Khi bạn điều chỉnh mức **Brightness (Độ sáng)** lần đầu, thông báo sau xuất hiện:



**CHÚ Ý:** Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới bạn thay đổi cài đặt **Brightness (Độ sáng)**.

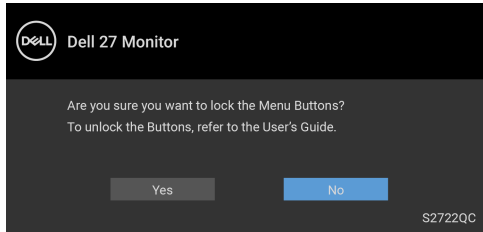
Khi bạn thay đổi cài đặt mặc định của các tính năng tiết kiệm pin lần đầu tiên, chẳng hạn **Smart HDR (HDR thông minh)**, **USB-C Charging (Sạc USB-C)**, hoặc **Other USB Charging (Sạc USB khác)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



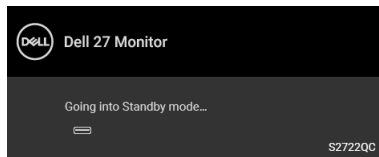
**CHÚ Ý:** Nếu bạn chọn **Yes (Có)** cho một trong các tính năng được đề cập ở trên, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn thay đổi cài đặt của các tính năng này. Khi bạn khôi phục cài đặt gốc, thông báo sẽ lại xuất hiện.



Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **Lock (Khóa)** được kích hoạt:



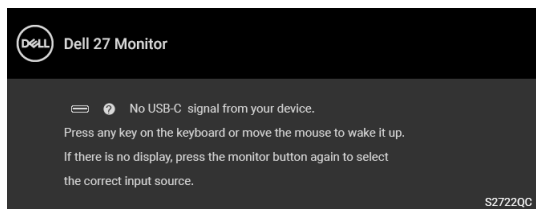
**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo thiết lập chọn. Khi màn hình vào chế độ **Chờ**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập lại vào **OSD**.

**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác, tùy theo tín hiệu đầu vào kết nối.

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn trong Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:

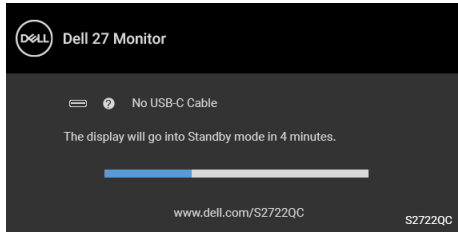


Bật máy tính và màn hình để truy cập lại vào **OSD**.

**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác, tùy theo tín hiệu đầu vào kết nối.

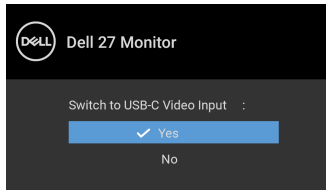


Nếu đầu vào USB-C hoặc HDMI được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.

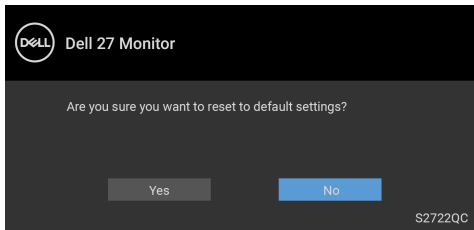


**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác, tùy theo tín hiệu đầu vào kết nối.

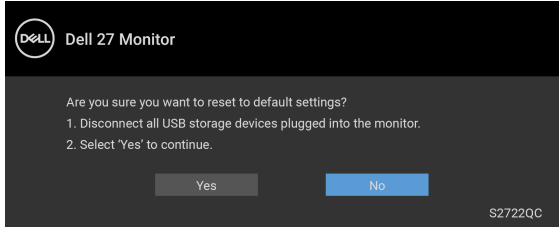
Khi màn hình ở dưới đầu vào HDMI và cáp USB Type-C được kết nối với máy tính xách tay hỗ trợ Chế độ thay thế DP, nếu **Auto Select for USB-C (Tự Động Chọn cho USB-C)** được bật, một thông báo sau sẽ xuất hiện:



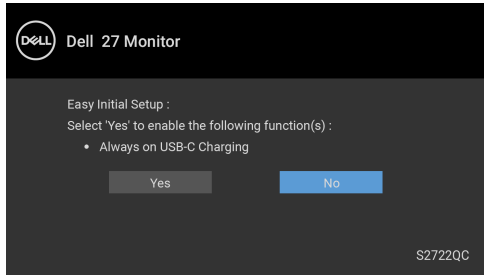
Khi **USB-C Prioritization (Ưu tiên USB-C)** được đặt sang **High Data Speed (Tốc độ dữ liệu cao)** theo mặc định, nếu **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Khi **USB-C Prioritization (Ưu tiên USB-C)** được đặt sang **High Resolution (Độ phân giải cao)**, nếu **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:




Khi **Yes (Có)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.



## Cài đặt độ phân giải tối đa

 **CHÚ Ý:** Các bước có thể thay đổi tùy vào phiên bản Windows của bạn.

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows<sup>®</sup> 7, Windows<sup>®</sup> 8, và Windows<sup>®</sup> 8.1:

1. Chỉ với Windows<sup>®</sup> 8 và Windows<sup>®</sup> 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ phân giải màn hình**.
3. Nếu bạn kết nối nhiều hơn 1 màn hình, hãy đảm bảo chọn **S2722QC**.
4. Nhấp vào danh sách thả xuống của **Độ Phân Giải Màn Hình** và chọn **3840 x 2160**.
5. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows<sup>®</sup> 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cài đặt màn hình**.
2. Nếu bạn kết nối nhiều hơn 1 màn hình, hãy đảm bảo chọn **S2722QC**.
3. Nhấp vào danh sách thả xuống của **Độ phân giải** và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **Giữ các thay đổi**.

Nếu bạn không nhìn thấy 3840 x 2160 như tùy chọn, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Đi đến <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.



# Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR

## (1) Qua Ultra BluRay DVD hoặc bảng điều khiển trò chơi

Đảm bảo đầu DVD và bảng điều khiển trò chơi có khả năng phát HDR, ví dụ như Panasonic DMP-UB900, Xbox One S và PS4 Pro.

## (2) Thông qua PC

Đảm bảo card đồ họa được sử dụng có khả năng phát HDR, ví dụ có cổng tuân thủ HDMI2.0a (với tùy chọn HDR) và trình điều khiển đồ họa HDR được cài đặt. Phải sử dụng chương trình ứng dụng hỗ trợ HDR, ví dụ như ứng dụng CyberLink PowerDVD 17, Windows 10 Movie và TV.

 **CHÚ Ý: Để tải xuống và cài đặt trình điều khiển đồ họa mới nhất hỗ trợ phát lại nội dung HDR trên máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell, hãy xem <https://www.dell.com/support/drivers>.**

### NVIDIA

Để biết đầy đủ các card đồ họa NVIDIA có khả năng HDR, hãy xem [www.nvidia.com](http://www.nvidia.com).

Đảm bảo tải xuống trình điều khiển hỗ trợ chế độ Phát Lại Toàn Màn Hình (ví dụ: trò chơi PC, trình phát UltraBluRay), HDR trên Hệ điều hành Win 10 Redstone 2: 381.65 hoặc các phiên bản cao hơn.

### AMD

Để biết đầy đủ các card đồ họa AMD có khả năng HDR, hãy xem [www.amd.com](http://www.amd.com). Kiểm tra thông tin hỗ trợ trình điều khiển HDR và tải xuống trình điều khiển mới nhất.


### Intel (Đồ họa tích hợp Integrated)

Bộ xử lý có hỗ trợ HDR: CannonLake hoặc mới hơn

Đầu phát HDR phù hợp: Ứng dụng Windows 10 Movie và TV

Hệ điều hành (OS) có hỗ trợ HDR: Windows 10 Redstone 3

Trình điều khiển hỗ trợ HDR: truy cập [downloadcenter.intel.com](http://downloadcenter.intel.com) để có trình điều khiển HDR mới nhất

 **CHÚ Ý: Phát lại HDR qua hệ điều hành (ví dụ: phát lại HDR trong cửa sổ trong máy tính để bàn) yêu cầu Windows 10 Redstone 2 trở lên với các chương trình ứng dụng thích hợp, ví dụ PowerDVD 17. Phát lại nội dung được bảo vệ sẽ yêu cầu phần mềm DRM và/hoặc phần cứng thích hợp, ví dụ như Microsoft Playready™. Để biết thêm thông tin, truy cập <https://www.support.microsoft.com>.**

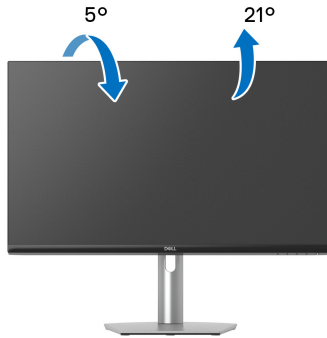


## Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng

**CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể chỉnh màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

### Nghiêng



**CHÚ Ý:** Chân đế không được lắp đặt tại nhà máy khi được vận chuyển.

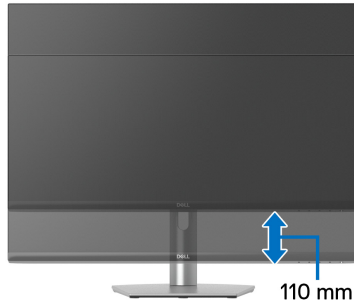
### Khớp xoay





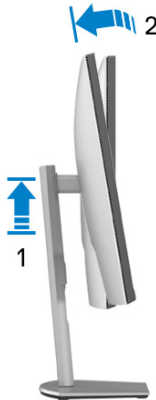
## Kéo thẳng

 **CHÚ Ý:** Chân đế kéo thẳng đến 110 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



## Xoay màn hình

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn và nghiêng lên hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.





## Xoay theo chiều kim đồng hồ



## Xoay ngược chiều kim đồng hồ




-  **CHÚ Ý:** Để sử dụng chức năng Xoay Hiển Thị (giao diện Phong cảnh ngược với Chân dung) với máy tính Dell, bạn cần có trình điều khiển đồ họa cập nhật không kèm theo màn hình này. Để tải về trình điều khiển đồ họa, truy cập vào [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và xem phần Tải xuống của Trình điều khiển Video để có các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.
-  **CHÚ Ý:** Trong chế độ Chân dung, bạn có thấy hiệu suất suy giảm khi sử dụng các ứng dụng chuyên sâu về đồ họa, chẳng hạn như chơi game 3D.




## Điều chỉnh cài đặt hiển thị xoay cho hệ thống của bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, cần phải hoàn thành các bước dưới đây để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay cho hệ thống của bạn.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải là máy Dell, thì bạn cần phải đi đến trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về việc xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thuộc tính**.
2. Chọn tab **Thiết đặt** và nhấp vào **Chuyên sâu**.
3. Nếu bạn có card đồ họa ATI, chọn tab **Xoay** và đặt kiểu xoay ưa thích.
4. Nếu bạn có card đồ họa NVIDIA, nhấp vào tab **NVIDIA**, ở cột tay trái, chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
5. Nếu bạn có card đồ họa Intel<sup>®</sup>, chọn tab đồ họa **Intel**, nhấp vào **Thuộc Tính Đồ Họa**, chọn tab **Xoay**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó không hoạt động tốt, truy cập vào [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và tải về trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa của bạn.



# Xử lý sự cố

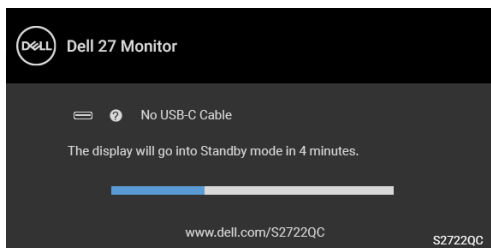
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#).

## Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt cáp video khỏi máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng.



**📌 CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác, tùy theo tín hiệu đầu vào kết nối.

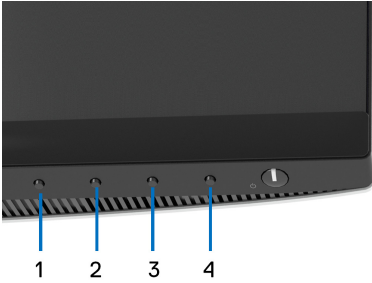
4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi thực hiện các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.




## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và các video.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. nhấn và giữ **Nút 4** trong khoảng 4 giây cho đến khi một menu nổi lên.
3. Sử dụng **Nút 1** hoặc **Nút 2** để chọn công cụ chẩn đoán  và sử dụng **Nút 3** để xác nhận. Một mẫu kiểm tra màu xám xuất hiện ở đầu chương trình chẩn đoán.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. nhấn **Nút 1** một lần nữa để thay đổi các mẫu kiểm tra.
6. Lặp lại bước 4 và 5 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu đỏ, màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng, và màn hình văn bản.
7. nhấn **Nút 1** để kết thúc chương trình chẩn đoán.



## Vấn đề thường gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Không có video / đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện đang hoạt động bình thường bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Không có video / đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li><li>• Gọi tính năng tự kiểm tra (xem <a href="#">Tự kiểm tra</a>).</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn được chọn qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Lấy nét kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>
Video bị rung/ chậm chờn	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li></ul>



Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình và sau đó mở lại.</li> <li>• Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li> </ul>
Điểm ảnh bị b ám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình và sau đó mở lại.</li> <li>• Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li> </ul>
Vấn đề về độ sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>
Biến dạng hình học	Màn hình không được cân giữa chính xác	Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.
Đường ngang/ dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình (xem <a href="#">Tự kiểm tra</a>) và xác định xem các đường kẻ này có được gắn cờ trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



Sự cố đồng bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vết như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình (xem <a href="#">Tự kiểm tra</a>) và xác định xem các đường kẻ này có được gắn cờ trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>• Khởi động lại máy tính trong chế độ an toàn.</li> </ul>
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ với Dell ngay.</li> </ul>
Sự cố không liên tục	Hỏng chức năng bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình (xem <a href="#">Tự kiểm tra</a>) và xác định xem các đường kẻ này có được gắn cờ trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>





Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi cài đặt của <b>Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>Thay đổi <b>Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)</b> sang <b>RGB</b> hoặc <b>YCbCr/YPbPr</b> trong OSD cài đặt <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt màn hình sang tắt khi màn hình có thời gian không hoạt động sau vài phút. Có thể điều chỉnh trong phần Tùy chọn nguồn của máy Windows hoặc Tiết kiệm Năng lượng của máy Mac.</li> <li>Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>

## Vấn đề cụ thể theo sản phẩm

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b> trong OSD menu <b>Display (Hiển Thị)</b>.</li> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li> <li>Menu OSD có thể bị khóa. Nhấn và giữ nút chức năng/Menu cạnh nút Nguồn trong 4 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Lock (Khóa)</a>).</li> </ul>



Không có tín hiệu vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li> <li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>• Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li> </ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Không có video ở cổng HDMI/USB Type-C	Khi kết nối với một số thiết bị dongle/thiết bị kết nối ở cổng, không có video khi rút / cắm cáp khởi máy tính xách tay	Rút phích cắm cáp HDMI/USB Type-C khỏi thiết bị dongle/thiết bị kết nối, sau đó cắm cáp HDMI/USB Type-C vào máy tính xách tay.



## Vấn đề cụ thể với cổng kết nối đa dụng (USB)

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Cổng USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.</li><li>• Kết nối lại cáp kết nối máy tính vào máy tính.</li><li>• Nếu máy tính của bạn không có cổng USB Type-C, hãy sử dụng cáp USB Type-C sang USB Type-A (bán riêng) để kết nối màn hình với máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối thiết bị ngoại vi).</li><li>• Tắt màn hình và sau đó mở lại.</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li><li>• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.</li></ul>
Cổng USB Type-C không cấp nguồn	Không thể nạp nguồn cho thiết bị ngoại vi USB	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra để thiết bị kết nối tuân thủ với thông số kỹ thuật của USB-C. Cổng USB Type-C hỗ trợ USB 3.2 Gen 1 và công suất 65 W.</li><li>• Kiểm tra để bạn sử dụng cáp USB Type-C đi kèm với màn hình của bạn.</li></ul>



<p>Giao diện SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) chậm</p>	<p>Thiết bị ngoại vi SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen 1) hoạt động chậm hoặc hoàn toàn không hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có khả năng tương thích năng sử dụng SuperSpeed USB 10 Gbps (USB 3.2 Gen 1) không.</li> <li>• Một số máy tính có các cổng USB 3.2, USB 2.0 và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li> <li>• Kết nối lại cáp kết nối máy tính vào máy tính.</li> <li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối thiết bị ngoại vi).</li> <li>• Khởi động lại máy tính.</li> </ul>
<p>Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng làm việc khi có thiết bị USB 3.2 được cắm vào</p>	<p>Thiết bị ngoại vi USB không dây đáp ứng chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ thu của nó</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.2 và bộ nhận USB không dây.</li> <li>• Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần các thiết bị ngoại vi USB không dây càng tốt.</li> <li>• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ tiếp nhận USB không dây càng xa cổng USB 3.2 càng tốt.</li> </ul>

## Vấn Đề Cụ Thể Theo Loa Ngoài

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
<p>Không có âm thanh phát ra từ loa</p>	<p>Không thể nghe được âm thanh nào</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.</li> <li>• Kiểm tra xem kết nối cáp âm thanh được kết nối vào cổng ra âm thanh của máy tính chính xác chưa.</li> <li>• Rút cáp âm thanh khỏi cổng ra âm thanh.</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>



# Phụ lục

**CẢNH BÁO:** Hướng dẫn về an toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về an toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

## Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và thông tin quy định khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

**✍ CHÚ Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)

## Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU

S2722QC: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/704920>

